

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 287/2020/DS-PT

Ngày: 11-8-2020

V/v tranh chấp “Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, đòi quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy văn bản thỏa thuận phân chia và tặng cho tài sản thừa kế, yêu cầu chia tài sản chung, chia thừa kế theo pháp luật”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Trung Hiếu.

*Các Thẩm phán:* Ông Phan Văn Huyện.

Ông Mai Hoàng Khải.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thanh Tuyền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 245/2020/TLPT-DS ngày 29/04/2020 về việc tranh chấp: “Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, đòi quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy văn bản thỏa thuận phân chia và tặng cho tài sản thừa kế, yêu cầu chia tài sản chung, chia thừa kế theo pháp luật”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 222/2019/DS-ST ngày 07/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 335/2020/QĐ-PT ngày 25/5/2020 và thông báo về việc dời phiên tòa số 46/2020/TB-TA ngày 06/7/2020 giữa:

**- Nguyên đơn:**

1. Bà Lê Kim N, sinh năm 1952;

2. Chị Trần Thị Thúy L, sinh năm 1974;

*Người đại diện theo ủy quyền của N, L:* Chị Trần Thị Kim C, sinh năm 1980; (có mặt)

3. Chị Trần Thị Kim C, sinh năm 1980; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Chị Trần Thị Minh N1, sinh năm 1972; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: số 17, đường số 45, Phường A, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Anh **Trần Minh T**, sinh năm 1971 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân xã C.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn Ph. Chức vụ: Chủ tịch (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Chị Phan Thị H, sinh năm 1978;

3. Chị Trần Thị Trúc L1, sinh năm 1998;

*Người đại diện theo ủy quyền của H, L:* Anh Trần Minh T, sinh năm 1971; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Chị Trần Thị Diễm L2, sinh năm 2000; (vắng mặt)

5. Chị Trần Thị Thủy T, sinh năm 2001; (vắng mặt)

6. Trần Thiên K, sinh năm 2013. Đại diện theo pháp luật có chị Trần Thị Kim C, sinh năm 1980 (mẹ ruột);

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện C, Tiền Giang.

\* Người kháng cáo: Bị đơn Trần Minh T.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn Lê Kim N, Trần Thị Minh N1, Trần Thị Thúy L, Trần Thị Kim C trình bày:*

Bà N và anh Trần Văn H (sinh năm 1945 chết ngày 25/01/2014) là vợ chồng, có 04 người con chung là: Trần Minh T, Trần Thị Minh N1, Trần Thị Thúy L và Trần Thị Kim C. Bà N và ông H không còn người con nào khác (ông H không có con ngoài giá thú). Sinh thời, ông H và bà N tạo lập được tài sản chung gồm 03 thửa đất số 1475, 1478 và 1483 với tổng số diện tích 10.885 m<sup>2</sup> và 01 ngôi nhà cấp 4. Sau khi ông H chết thực hiện theo yêu cầu của chính quyền địa phương, người quản lý cạnh tác phải kê khai, đăng ký đất đai đồng thời để tiện việc liên hệ thuận lợi trong quản lý cạnh tác sử dụng đất hoặc vay vốn ngân hàng, các nguyên đơn tự nguyện thỏa thuận để anh T đứng tên các thửa đất nêu trên với điều kiện chăm sóc phụng dưỡng bà N suốt đời, khi nào cần thì phân chia lại cho bà N và chị L, chị C, chị N1. Theo số liệu đo đạc VLAP và nhập tách thửa anh T đứng tên 4 thửa đất gồm: Thửa đất 150 diện

tích 1.077,2m<sup>2</sup>, thửa 151 diện tích 5.855,9m<sup>2</sup>, thửa 153 diện tích 2.941,6m<sup>2</sup> và thửa 166 diện tích 821,5m<sup>2</sup> đều thuộc tờ bản đồ số 32 tại ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang và 01 ngôi nhà cấp 4 trên thửa 151. Năm 2017 anh T không thực hiện tốt việc chăm sóc, phụng dưỡng bà N. Bà N có yêu cầu phân chia quyền sử dụng đất, anh T không đồng ý nên phát sinh tranh chấp. Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy văn bản thỏa thuận phân chia và tặng cho tài sản thừa kế ngày 29/11/2014 chứng thực tại ủy ban nhân dân xã C.

- Yêu cầu xác định các thửa đất 150 diện tích 1077,2m<sup>2</sup>, thửa 151 diện tích 5.855,9m<sup>2</sup>, và 01 ngôi nhà cấp 4, thửa 153 diện tích 2.941,6m<sup>2</sup> và thửa 166 diện tích 821,5m<sup>2</sup> đều thuộc tờ bản đồ số 32 tại ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang là tài sản chung của bà N và ông H.

- Bà N yêu cầu xác định  $\frac{1}{2}$  tài sản trên là quyền sở hữu của bà, còn  $\frac{1}{2}$  tài sản còn lại là di sản thừa kế của ông H để lại.

- Yêu cầu chia thừa kế phần di sản của ông H để lại theo quy định của pháp luật. Yêu cầu chia cụ thể là: Giao toàn bộ thửa 153 diện tích 2.941,6m<sup>2</sup> cho anh T; Chị C, chị N1, chị Thúy L yêu cầu chia mỗi người 1.000m<sup>2</sup> trong thửa 151, diện tích 5.855,9m<sup>2</sup>, bà N yêu cầu được chia thửa đất 150 diện tích 1.077,2 m<sup>2</sup>; 2.855,9m<sup>2</sup> còn lại thửa 151 và thửa 166 diện tích 821,5m<sup>2</sup>.

- Căn nhà cấp 4 cùng các công trình phụ trên thửa 151 không yêu cầu giải quyết và thống nhất giao cho bà N, anh T quản lý, sử dụng.

- Tiền chi phí thẩm định, đo đạc, định giá các nguyên đơn tự nguyện chịu không yêu cầu giải quyết.

*\* Bị đơn Trần Minh T cũng là đại diện theo ủy quyền của chị Phan Thị H, chị Trần Thị Trúc L1 trình bày:*

Anh thống nhất với lời khai của các nguyên đơn về quan hệ nhân thân và tài sản chung của ông H, bà N nêu trên. Sau khi ông H mất bà N và các em là chị L, C, N1 tự nguyện thỏa thuận lập thủ tục phân chia và tặng cho tài sản thừa kế cho anh T hưởng toàn bộ, anh đứng tên quyền sử dụng 4 thửa đất 150 diện tích 1.077,2m<sup>2</sup>, thửa 151 diện tích 5.855,9m<sup>2</sup> và 01 ngôi nhà cấp 4, thửa 153 diện tích 2.941,6m<sup>2</sup> và thửa 166 diện tích 821,5m<sup>2</sup> đều thuộc tờ bản đồ số 32 tại ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Nay theo yêu cầu của các nguyên đơn anh không đồng ý hủy văn bản thỏa thuận phân chia và tặng cho tài sản thừa kế ngày 29/11/2014 chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã C, yêu cầu tiếp tục quản lý các thửa đất nêu trên và căn nhà, cùng công trình phụ có trên thửa 151. Anh đồng ý chia cho chị N1, chị L, chị C mỗi người 1.000m<sup>2</sup>, trong đó thửa đất 150, diện tích 1.077, 2m<sup>2</sup>, thửa 151, diện tích 5.855,9m<sup>2</sup> và 01 ngôi nhà cấp 4, thửa 153, diện tích 2.941,6m<sup>2</sup> và thửa 166 diện tích 821,5m<sup>2</sup> đều thuộc tờ bản đồ số 32 tọa lạc tại ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Đối với số cây anh T trồng trên thửa 151 gồm 27 cây Sầu Riêng, 30 cây Mít Thái anh không yêu cầu giải quyết, đồng ý giao cho mẹ và các em của anh nếu có chia đất.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã C trình bày:*

Ủy ban nhân dân xã C, huyện C có chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia và tặng cho tài sản thừa kế ngày 29/11/2014 giữa bà N, anh T và các chị L, chị C, chị N1 đúng theo quy định pháp luật. Tất cả các thành viên của hộ ông Trần Văn Há có đầy đủ năng lực hành vi dân sự đồng ý và tự nguyện ký tên, điểm chỉ vào văn bản, phù hợp theo quy định. Ủy ban nhân dân xã C tiến hành niêm yết công khai 15 ngày và không có khiếu nại nên chuyển đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy theo quy định pháp luật.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Trúc L1 trình bày:*

Chị là con ruột của ông Trần Minh T và bà Phan Thị H. Chị thống nhất với lời khai của các nguyên đơn về quan hệ nhân thân và tài sản chung của ông H, bà N như nêu trên. Chị Trúc L1 hiện đang sống cùng với gia đình tại phần đất tranh chấp. Đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, chị Trúc L1 đề nghị cha ruột là ông T chia cho các cô ruột là các chị L, chị C, chị N1 mỗi người 1.000m<sup>2</sup> đất và định vị theo ý kiến của bà N, với phần đất còn lại ông T tiếp tục quản lý, canh tác để phụng dưỡng bà N và thờ cúng ông bà.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Diễm L2, chị Trần Thị Thủy T:*

Không có ý kiến gởi cho Tòa án với các yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

\* Bản án sơ thẩm số: 222/2019/DS-ST ngày 07/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang căn cứ Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, 213, 462, 650, 651 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Kim N, chị Trần Thị Minh N1, chị Trần Thị Thúy L, chị Trần Thị Kim C.

1.1. Hủy văn bản thỏa thuận phân chia và tặng cho tài sản thừa kế ngày 29/11/2014 chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1.2. Xác định các thửa đất 150, diện tích 1.077,2m<sup>2</sup>; thửa 151, diện tích 5.855,9m<sup>2</sup> và 01 ngôi nhà cấp 4; thửa 153, diện tích 2.941,6m<sup>2</sup> và thửa 166 diện tích 821,5m<sup>2</sup> đều thuộc tờ bản đồ số 32, tại ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang là tài sản chung của bà N và ông H.

1.3. Chia tài sản chung và chia thừa kế như sau:

- Chia cho anh Trần Minh T toàn bộ thửa 153, diện tích 2.941,6m<sup>2</sup> (có sơ đồ kèm theo).

- Chia cho chị Trần Thị Kim C 1.000m<sup>2</sup> nằm trong thửa 151, diện tích 5.855,9m<sup>2</sup>, phần đất chia giáp với đất của ông Dương Thanh V (có sơ đồ kèm theo).

- Chia cho chị Trần Thị Minh N1 1.000m<sup>2</sup> nằm trong thửa 151, diện tích 5.855,9m<sup>2</sup> phần đất chia giáp với đất chia cho chị C. (có sơ đồ kèm theo).
- Chia cho chị Trần Thị Thúy L 1.000m<sup>2</sup> nằm trong thửa 151, diện tích 5.855,9m<sup>2</sup>, phần đất chia giáp với đất của chị N (có sơ đồ kèm theo).
- Chia cho bà Lê Kim N thửa đất 150, diện tích 1.077,2m<sup>2</sup>, diện tích 2.855,9m<sup>2</sup> nằm trong thửa 151 và thửa 166 diện tích 821,5m<sup>2</sup> (có sơ đồ kèm theo).

Các thửa đất trên thuộc tờ bản đồ số 32 tại ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Các đương sự có quyền liên hệ cơ quan thẩm quyền thực hiện kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Giao cho bà N, anh T quản lý, sử dụng căn nhà cấp 4 cùng các công trình phụ có trên thửa đất 151.

- Tiền chi phí thẩm định, đo đạc, định giá các nguyên đơn tự nguyện chịu không yêu cầu giải quyết.

- Ghi nhận sự tự nguyện của anh T giao toàn bộ số cây anh đã trồng trên thửa đất 151 cho các nguyên đơn. Các nguyên đơn không phải trả giá trị cây trồng do anh T không yêu cầu.

\* Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

\* Ngày 12/11/2019, bị đơn anh Trần Minh T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 222/2019/DS-ST ngày 07/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, yêu cầu: Sửa toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn Trần Minh T vẫn giữ nguyên kháng cáo, nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang xác định quá trình tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật, Viện kiểm sát không bổ sung gì thêm. Riêng về nội dung Viện kiểm sát cho rằng cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, căn cứ vào quy định của pháp luật, vào thực tế khách quan về tranh chấp và kết quả giải quyết là có cơ sở. Anh T kháng cáo nhưng không có tài liệu gì mới để chứng minh, yêu cầu là không có căn cứ nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bản án dân sự sơ thẩm được tuyên vào ngày 07/11/2019, không đồng ý với kết quả xét xử sơ thẩm bị đơn anh Trần Minh T kháng cáo, thủ tục và thời hạn

kháng cáo đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Căn cứ vào đơn khởi kiện, lời trình bày của các nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy văn bản phân chia và tặng cho tài sản thừa kế; yêu cầu chia tài sản chung, chia thừa kế theo pháp luật là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với các đương sự có đơn xin vắng mặt hoặc đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ lần thứ 2 dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến phiên tòa phúc thẩm nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

Theo như án sơ thẩm cũng như xác định của các đương sự tại phiên tòa ông Trần Văn H và bà Lê Kim N có 04 người con chung: Trần Minh T, Trần Thị Minh N1, Trần Thị Thúy L và Trần Thị Kim C. Ngoài ra hàng thừa kế thứ nhất của ông H, bà N không còn ai khác. Ông H, bà N có tài sản chung gồm 03 thửa đất 1475, 1478 và 1483 với tổng diện tích là 10.885m<sup>2</sup>. Hiện nay qua đo đạc cấp đổi giấy chứng nhận theo chủ trương chung, các thửa đất trên được ghi nhận và xác định lại là: Thửa 150, diện tích 1.077,2m<sup>2</sup>; thửa 151 diện tích 5.855,9m<sup>2</sup>; thửa 153 diện tích 2.941,6m<sup>2</sup> và thửa 166 diện tích 821,5m<sup>2</sup> thuộc tờ bản đồ số 32 tọa lạc tại ấp A xã C huyện C tỉnh Tiền Giang. Ngoài tài sản là quyền sử dụng đất do ông H đại diện đứng tên còn có 01 ngôi nhà cấp 4. Ông H chết vào ngày 25/01/2014.

Tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa các bên thống nhất vào ngày 29/11/2014, tại Ủy ban nhân dân xã C bà Lê Kim N, chị Trần Thị Minh N1, chị Trần Thị Thúy L và chị Trần Thị Kim C cùng anh Trần Minh T ký kết văn bản thỏa thuận phân chia và tặng cho tài sản thừa kế. Mục đích của việc lập văn bản trên là để anh T tạm đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H, bà N nhằm thuận tiện cho việc giao dịch, vay vốn Ngân hàng và thu hoa lợi nuôi dưỡng bà N. Phiên hòa giải ngày 13/7/2017 tại Ủy ban nhân dân xã C, anh T trình bày: "... Sau khi ông H chết, thực hiện theo yêu cầu của chính quyền địa phương là phải khai lại có người đứng tên đất để tiện việc liên hệ, thuận lợi trong quản lý canh tác sử dụng đất hoặc vay vốn Ngân hàng nên các nguyên đơn tự nguyện thỏa thuận tạm để anh T đứng tên các thửa đất nêu trên với điều kiện chăm sóc phụng dưỡng bà N suốt đời...". Qua đó có cơ sở xác định văn bản thỏa thuận phân chia, tặng cho tài sản thừa kế ký ngày 29/11/2014 là giao dịch có điều kiện và như vậy yêu cầu của các nguyên đơn phải được xem xét do điều kiện không được thực hiện đúng.

Qua khảo sát thẩm định thực tế, nhu cầu, điều kiện sử dụng đất, án sơ thẩm ghi nhận, phân chia tài sản là quyền sử dụng đất có liên quan đến tài sản trên đất là hợp tình, hợp lý. Xác định nguồn gốc tài sản tranh chấp là của bà N, ông H. Sau khi ông H chết, anh T được hàng thừa kế thứ nhất tạm giao quyền quản lý, canh tác kể cả đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc giao đất cho anh T với lý do và điều kiện là: để tiện việc giao dịch có liên quan, nuôi dưỡng

bà N suốt đời. Tuy nhiên, anh T không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo thỏa thuận, các nguyên đơn kể cả bà N yêu cầu chia tài sản và được chấp nhận như án sơ thẩm là có căn cứ.

Đối với anh T là bị đơn, anh không chấp nhận chia tài sản cho bà N cùng các nguyên đơn là không thể chấp nhận được, anh T kháng cáo và cho rằng tài sản đã được chuyển giao cho anh, anh yêu cầu được quản lý sử dụng tất cả. Như đã nhận định ở trên yêu cầu kháng cáo của anh T không thể được chấp nhận. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với pháp luật nên được công nhận.

[3] Về án phí: Bà N là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 xét miễn án phí cho bà N; đối với các đương sự được chia tài sản còn lại vẫn phải chịu án phí theo khoản 9 Điều 26 và khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh T, sửa án sơ thẩm về án phí.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Trần Minh T, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 222/2019/DSST ngày 07/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang về án phí.

Căn cứ Điều 147, 148, 296 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, 213, 462, 650, 651 Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 9 Điều 26 và khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 2 Luật người cao tuổi.

#### **Xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Kim N, chị Trần Thị Minh N1, chị Trần Thị Thúy L, chị Trần Thị Kim C.

1.1. Hủy văn bản thỏa thuận phân chia và tặng cho tài sản thừa kế ngày 29/11/2014 chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1.2. Xác định các thửa đất 150, diện tích 1.077,2m<sup>2</sup>; thửa 151, diện tích 5.855,9m<sup>2</sup> và 01 ngôi nhà cấp 4; thửa 153, diện tích 2.941,6m<sup>2</sup> và thửa 166 diện tích 821,5m<sup>2</sup> đều thuộc tờ bản đồ số 32, tại ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang là tài sản chung của bà N và ông H.

1.3. Chia tài sản chung và chia thừa kế như sau:

- Chia cho anh Trần Minh T toàn bộ thửa 153, diện tích 2.941,6m<sup>2</sup> (có sơ đồ kèm theo).

- Chia cho chị Trần Thị Kim C 1.000m<sup>2</sup> nằm trong thửa 151, diện tích 5.855,9m<sup>2</sup>, phần đất chia giáp với đất của ông Dương Thanh V (có sơ đồ kèm theo).

- Chia cho chị Trần Thị Minh N1 1.000m<sup>2</sup> nằm trong thửa 151, diện tích 5.855,9m<sup>2</sup> phần đất chia giáp với đất chia cho chị C. (có sơ đồ kèm theo).

- Chia cho chị Trần Thị Thúy L 1.000m<sup>2</sup> nằm trong thửa 151, diện tích 5.855,9m<sup>2</sup>, phần đất chia giáp với đất của chị N (có sơ đồ kèm theo).

- Chia cho bà Lê Kim N thửa đất 150, diện tích 1.077,2m<sup>2</sup>, diện tích 2.855,9m<sup>2</sup> nằm trong thửa 151 và thửa 166 diện tích 821,5m<sup>2</sup> (có sơ đồ kèm theo).

Các thửa đất trên thuộc tờ bản đồ số 32 tại ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Các đương sự có quyền liên hệ cơ quan thẩm quyền thực hiện kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Giao cho bà N, anh T quản lý, sử dụng căn nhà cấp 4 cùng các công trình phụ có trên thửa đất 151.

- Tiền chi phí thẩm định, đo đạc, định giá các nguyên đơn tự nguyện chịu không yêu cầu giải quyết.

- Ghi nhận sự tự nguyện của anh T giao toàn bộ số cây anh đã trồng trên thửa đất 151 cho các nguyên đơn. Các nguyên đơn không phải trả giá trị cây trồng do anh T không yêu cầu.

## 2. Về án phí:

- Anh Trần Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nên trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002579 ngày 12/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

- Bà Lê Kim N được miễn án phí sơ thẩm. Hoàn lại bà N 3.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 07897 ngày 28/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

- Anh Trần Minh T phải chịu 36.770.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Trần Thị Minh N1 phải chịu 12.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 3.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 07894 ngày 28/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên phải nộp tiếp 9.500.000 đồng.

- Chị Trần Thị Thúy L phải chịu 12.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 3.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 07896 ngày 28/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên phải nộp tiếp 9.500.000 đồng.



- Chị Trần Thị Kim C phải chịu 12.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 3.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 07895 ngày 28/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên phải nộp tiếp 9.500.000 đồng.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Trung Hiếu**